

Số: /KH-TTYT

Cần Đước, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Hoạt động năm 2025

Căn cứ vào:

- Quy chế bệnh viện do Bộ Y tế ban hành ngày 19/9/1997;
- Báo cáo tổng kết hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước năm 2024;
- Mô hình bệnh tật của địa phương;
- Thực trạng về nguồn lực của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước.

Trung tâm Y tế huyện Cần Đước xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Tình hình về nhân sự:

Trong những năm vừa qua Trung tâm Y tế huyện Cần Đước đã có những chính sách thu nhận cán bộ chuyên môn nhưng vẫn còn thiếu cả về lượng và về chất.

- Lực lượng bác sĩ vẫn còn ít, các bác sĩ phải kiêm nhiệm nhiều vị trí, mỗi ngày mỗi bác sĩ phải khám trên dưới 70 bệnh nhân ngoại trú hoặc gần 20 bệnh nhân nội trú. Các bác sĩ chuyên khoa còn thiếu (BS chuyên khoa RHM, Chẩn đoán hình ảnh, chuyên khoa Ngoại, chuyên khoa Gây mê – Hồi sức...).

- Điều dưỡng: vẫn còn một số điều dưỡng sơ cấp, không được đào tạo chính qui.

- Viên chức làm công tác dự phòng đa số chưa qua đào tạo về chuyên ngành YTDP. Tuy nhiên đa số đều có tinh thần thái độ công tác tốt trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tinh thần thái độ phục vụ cũng còn một số nơi chưa thật sự được sự hài lòng của người bệnh, nhưng đại đa số nhân viên Trung tâm Y tế đều có tinh thần phục vụ tốt, không có thái độ phân biệt đối xử đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế mặc dù đối tượng này luôn chiếm đa số trong toàn thể bệnh nhân khám ngoại trú và điều trị nội trú.

- Công tác nhân sự: Biên chế của Trung tâm Y tế huyện Cần Đước còn thiếu quá nhiều so với biên chế được giao hiện tại 288/378 thiếu 90 biên chế (đang đào tạo tập trung: 01 Bác sĩ CKI Nội, 03 Bác sĩ đa khoa, hiện đang công tác 284). Hiện tại tuyển huyện còn thiếu nhiều chức danh bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa như:

bác sĩ chuyên khoa Ngoại, chuyên khoa RHM, Mắt, bác sĩ Gây mê hồi sức, Tâm thần ...chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao.

+ Bác sĩ tại các xã chưa phủ kín 100% hiện còn 08 xã chưa có biên chế bác sĩ mà chỉ có tăng cường từ các xã khác: Long Định, Long Cang, Tân Trạch, Mỹ Lệ, Thị trấn, Tân Ân, Tân Chánh, Phước Tuy.

+ Nguồn tuyển dụng bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa không có nguồn. Nguồn đào tạo bác sĩ từ y sĩ hiện tại không còn nhiều đa số chức danh này đang học chuyển chức danh khác, do định hướng tới 2025 tinh giản trung cấp.

+ Quy trình tuyển dụng thay đổi, tuyển dụng theo đề án vị trí việc làm. Quy trình mất nhiều thời gian do đó nhân sự bổ sung không kịp thời.

+ Do biên chế thiếu nên khi đưa đi đào tạo một người phải kiêm nhiệm một lúc 2 - 3 công việc, cùng một lúc không thể sắp xếp đưa đi chuẩn hóa được nên chất lượng phục vụ chưa cao.

+ Đa số các cán bộ quản lý chưa được đào tạo về quản lý.

- Về công tác bảo vệ cơ quan: lực lượng bảo vệ chưa được tập huấn nghiệp vụ, lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp chỉ đảm nhận một phần công việc. Khuôn viên rộng nên công tác phòng ngừa còn hạn chế.

- Về công tác đoàn thể: cán bộ làm công tác đoàn thể đa số là cán bộ kiêm nhiệm, người mới chưa có kinh nghiệm nên công tác tổ chức và tập hợp quần chúng còn hạn chế.

2. Tình hình cơ sở vật chất:

- Cơ sở mới được đầu tư hoàn chỉnh. Hầu hết các khoa phòng đều rộng rãi và đủ công năng để làm việc.

- Một số khoa chưa được triển khai do chưa đủ nhân lực và trang thiết bị như khoa Ngoại, khoa Phẫu thuật – GMHS, khu nội trú LCK Mắt – TMH – RHM.

- Về cây cảnh: Bố trí nhiều cây xanh tạo cảnh quang tươi mát. Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát. Tuy nhiên do thiếu đội ngũ chăm sóc cây xanh chuyên nghiệp và thiếu nước tưới vào mùa khô nên măng xanh của bệnh viện dần bị xuống cấp.

3. Tình hình địa lý - kinh tế - văn hóa - xã hội:

- Là huyện nằm trên trục Quốc lộ 50, cách TP.HCM khoảng 30 km, có 2 tuyến xe bus đi qua nên khả năng tiếp cận về y tế của người dân đối với tuyến trên (đặc biệt là TP. HCM) cũng rất lớn.

- Là huyện đông dân đứng thứ II trong tỉnh nên lượng bệnh nhân đăng ký khám chữa bệnh BHYT cũng khá đông.

4. Tình hình khám chữa bệnh:

- Lượng bệnh trung bình tại khoa Khám bệnh là trên dưới 500 lượt bệnh mỗi ngày. Trong đó trên 95% là bệnh nhân bảo hiểm y tế. Tuy nhiên trong thời gian gần đây do tình hình sau dịch bệnh nên số lượt khám chữa bệnh chưa tăng như trước đây.

- Bệnh nội trú đạt công suất thấp so với trước đây. Gần đây có xu hướng tăng trở lại.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tốt hơn so với năm 2024. Cụ thể là:

- Không để dịch bệnh xảy ra. Trong đó bao gồm dịch Sốt xuất huyết, Tay chân miệng không để xảy ra. Đặc biệt là các bệnh lây nhiễm nhanh qua đường hô hấp.

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đã được đầu tư, thuốc men phục vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho nhân dân trên địa bàn.

- Đáp ứng một cách cơ bản nguồn nhân lực y tế cho các hoạt động phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh.

- Phục vụ ngày một tốt hơn người bệnh đến khám và điều trị tại bệnh viện.

- Đảm bảo nguồn thu nhằm tạo cho nhân viên y tế có thu nhập tăng thêm.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Trung tâm Y tế đạt loại xuất sắc.

- Duy trì và củng cố 17 xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2025.

- Thực hiện 17/17 TYT xã có bác sĩ khám chữa bệnh ít nhất 02 buổi trong tuần theo qui định của Bộ Y tế. Củng cố hoạt động cho Cơ sở 2 để phục vụ nhân dân tốt hơn.

- Phấn đấu 100% các chương trình y tế quốc gia đạt loại tốt.

- Không chế không để dịch bệnh xảy ra.

- Tăng cường truyền thông – giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức người dân góp phần tham gia phòng chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình CSSK.

- Giám sát tình hình ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tham mưu lãnh đạo các cấp giải quyết nhằm ngăn chặn dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm có thể xảy ra.

- Triển khai hoạt động Vệ sinh an toàn lao động nhằm quản lý sức khỏe công nhân lao động tại các khu công nghiệp, cơ sở, xí nghiệp... phòng tránh bệnh nghề nghiệp.

- Tăng 1% số lượt khám bệnh so với năm 2024.

- 100% các khoa phòng thực hiện tốt các qui chế chuyên môn. Duy trì kết quả đã đạt được trong năm 2024. Khắc phục những thiếu sót còn tồn tại được ghi nhận trong đợt kiểm tra cuối năm của Sở Y tế.

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị văn phòng và trang thiết bị mà Dự án xây dựng bệnh viện và Dự án xây dựng khối YTDP đã đầu tư cho hoạt động của Trung tâm Y tế. Phát huy triệt để các lợi ích vốn có của phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện (khám kê đơn, báo cáo thống kê, thu viện phí, kết xuất biên lai viện phí và kết nối liên thông tốt với phần mềm giám định của BHXH...).

- Tổ chức sắp xếp lại nhân sự cho các khoa phòng. Tuyển dụng thêm một số bác sĩ và điều dưỡng theo kế hoạch để giảm bớt quá tải về công việc và chuẩn bị cho công tác đào tạo dự nguồn cho bệnh viện.

- Phần đầu giảm mức 1 trong bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện còn 01.

- 100% các tổ chức chính trị đạt trong sạch vững mạnh.

- Hoàn thiện hơn nữa việc thực hiện về tự chủ tài chính trong các đơn vị có thu nhằm nâng cao công tác điều trị và cải thiện đời sống cán bộ viên chức của Trung tâm Y tế. Thực hiện tốt việc thu viện phí theo Quy định của Bộ Y tế.

III. CÁC CHỈ TIÊU:

A. Các chỉ tiêu Y tế năm 2025

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
1	Bác sĩ/vận dân	Bác sĩ	2,06	
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	≤ 5	
3	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	97	
4	Giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh	số bé trai/ bé gái	103- 105/100	
5	Củng cố và duy trì 17/17 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	xã	17	
6	Phần đầu mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đủ điều kiện sinh đủ 02 con	%	≥ 62	
7	Các chương trình Y tế quốc gia			
7.1	Chương trình Quản lý dịch	Chương trình	Tốt	
7.2	Chương trình SXH	Chương trình	Tốt	
8	Tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân	%	98	

B. Hệ Dự phòng: (Phụ lục 1)

C. Khám chữa bệnh: (Phụ lục 2)

IV. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

- Tăng cường công tác giám sát. không để xảy ra dịch lớn đối với các bệnh có nguy cơ gây dịch: sốt xuất huyết, tay chân miệng, tiêu chảy cấp nguy hiểm, tả, viêm não...; sẵn sàng các phương tiện, thuốc men cho công tác phòng chống dịch nếu xảy ra.

- Tập huấn nâng cao kiến thức về giám sát, điều tra xử lý dịch; theo chế độ khai báo, thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 48/TT-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Y tế.

- Phối hợp liên ngành triển khai thực hiện có hiệu quả các mặt công tác vệ sinh như: vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, y tế học đường và công tác phòng chống thiên tai thảm họa...

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.

- Thực hiện công tác thống kê, dự báo dịch chính xác, kịp thời.

- Kiểm tra các nguồn thực phẩm lưu hành trên thị trường nhằm hạn chế ngộ độc hàng loạt, phối hợp với ngành nông nghiệp, bảo vệ thực vật vận động nhân dân sử dụng hóa chất thuốc trừ sâu đúng qui trình cho phép.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân. Chú trọng y đức trong công tác phục vụ bệnh nhân. Nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Triển khai các kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh. Nắm bắt cơ hội tiếp nhận sự chuyển giao kỹ thuật trong các lĩnh vực chuyên khoa.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các qui chế bệnh viện vào mỗi cuối tháng:

+ củng cố về tổ chức và cơ cấu đoàn kiểm tra cuối tháng của bệnh viện.

+ Thực hiện kiểm tra và đánh giá mọi mặt công tác của các khoa phòng (đặc biệt là việc thực hiện nghiêm ngặt các qui chế của bệnh viện) để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

+ Phổ biến và tuyên truyền rộng rãi Luật Khám chữa bệnh, Luật BHYT mới trong toàn thể cán bộ công chức.

- Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các tiêu chuẩn về y đức trong toàn thể cán bộ công chức viên chức:

+ Phát động các phong trào thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

+ Dựa vào tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên để phát động các phong trào thi đua gắn ngày gắn liền với các ngày lễ lớn trong năm (ngày thành lập

Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2, kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02, ngày sinh Bác Hồ 19/5, ngày Quốc khánh 2/9...

- Duy trì sinh hoạt khoa học kỹ thuật hàng tháng trong bệnh viện, tổ chức bình bệnh án và bình toa thuốc ít nhất mỗi tháng một lần:

+ Chọn 01 ngày cố định trong tháng để thực hiện việc báo cáo các vấn đề khoa học mới cập nhật, bình bệnh án, bình toa thuốc, báo cáo các đề tài nghiên cứu khoa học trong năm...

+ Tạo thói quen nghiên cứu khoa học trong đội ngũ thầy thuốc và điều dưỡng bằng cách trao chỉ tiêu đề tài nghiên cứu cho các khoa phòng.

- Sử dụng hiệu quả những trang thiết bị do Dự án xây dựng bệnh viện và Dự án xây dựng khối YTDP đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu chẩn đoán và điều trị ngày càng cao của nhân dân địa phương:

+ Kiểm tra thường xuyên việc quản lý, bảo quản, sử dụng các trang thiết bị sẵn có của các khoa.

+ Dựa vào nguồn nhân lực, trang thiết bị hiện có triển khai một số kỹ thuật mới trong năm 2025 kể cả lâm sàng và cận lâm sàng (đặc biệt triển khai hệ ngoại khoa và chẩn đoán hình ảnh).

- Tổ chức sơ kết hoạt động hàng quý để các khoa phòng có thể nhìn lại các hoạt động của khoa phòng mình để có hướng phấn đấu trong quý sau:

+ Qui định hàng quý các khoa phải sơ kết được công tác của khoa mình và hướng tới sẽ làm gì để duy trì các mặt làm được và khắc phục những mặt còn thiếu sót.

+ Dựa vào những vấn đề còn tồn tại mà Trung tâm Y tế sẽ điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

- Cân đối nguồn thu để trang bị thêm các thiết bị văn phòng. một số trang thiết bị y tế cần thiết:

+ Bảng nguồn quỹ có được cần xem xét đầu tư về trang thiết bị cần thiết.

+ Tranh thủ sự quan tâm của Huyện ủy, UBND huyện và Sở Y tế để đầu tư về trang thiết bị y tế.

- Tổ chức lại qui trình thu viện phí nhằm tránh thất thu trong bệnh viện:

+ Củng cố và hoàn thiện phần mềm Quản lý bệnh viện để tránh thất thu.

+ Tổ chức nhân sự thật phù hợp trong công tác thu viện phí.

- Thực hiện tốt tinh thần chống lãng phí trong chi tiêu và mua sắm:

+ Tất cả các mua sắm TTB y tế và TTB thông thường đều phải thực hiện đúng qui trình nhằm đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý.

+ Phát động tinh thần thi đua sử dụng và bảo quản tốt các trang thiết bị đã được trang bị.

- Tuyển dụng thêm và bố trí lại cho thật phù hợp lực lượng bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh cho các khoa trong Trung tâm Y tế theo chỉ tiêu của SYT:

- + Tuyển dụng và đào tạo các bác sĩ để bố trí đủ các vị trí.
- + Tuyển dụng thêm nhiều vị trí ĐD và bố trí đào tạo nhân lực phục vụ cho nhiều kỹ thuật mới sẽ được triển khai.
- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT.
- củng cố công tác quản lý dược, công tác bảo quản chất lượng thuốc, cung ứng thuốc đặc biệt thực hiện tốt công tác dược lâm sàng.
- Phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực y tế.
- Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ y tế và chất lượng phục vụ. Tổ chức các khoá đào tạo liên tục tại bệnh viện và cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo ở tuyến trên.
- Trang bị cho các trạm y tế một số trang thiết bị cần thiết cho công tác chẩn đoán và điều trị song song với đào tạo ngắn hạn hoặc thực hiện Đề án 1816.
- Sử dụng hiệu quả trang thiết bị y tế để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị.
- Đảm bảo những qui định tài chánh trong sử dụng nguồn kinh phí.
- Nâng cao chất lượng kế hoạch và công tác giám sát nhằm đảm bảo kế hoạch của các khoa phòng và TYT được thực hiện tốt. Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng quý, 6 tháng, năm để đánh giá đúng tiến độ của kết quả thực hiện kế hoạch.
- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội.

1. Thực hiện các chương trình y tế quốc gia (dự phòng):

a. Chương trình phòng chống dịch:

- Tiếp tục tăng cường hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, thực hiện giám sát phát hiện sớm ca mắc, ổ dịch để khoanh vùng, cách ly, điều tra, xác minh kịp thời, hạn chế tối đa lây lan ngoài cộng đồng.
- Dự phòng, ngăn chặn, cảnh báo sớm, giám sát chặt chẽ và đáp ứng kịp thời với các bệnh dịch nguy hiểm mới nổi, tái nổi, bệnh lây truyền từ động vật sang người.
- Khống chế kịp thời không để dịch bệnh bùng phát lan rộng và kéo dài, giảm số mắc và tử vong các bệnh truyền nhiễm lưu hành như: Tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi, rubella, thủy đậu, quai bị, bệnh liên cầu lợn ở người và các bệnh thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng.
- Tăng cường năng lực hệ thống giám sát, phòng chống bệnh truyền nhiễm tại các tuyến, đáp ứng nhanh và xử lý triệt để các ổ dịch. Thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý bệnh truyền nhiễm trên phần mềm theo thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế.

- Bảo đảm công tác phân tuyến điều trị giảm quá tải bệnh viện tuyến cuối; thu dung, cấp cứu, điều trị kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp tử vong, biến chứng.

- Chủ động sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, điều trị bệnh nhân ở các cơ sở khám chữa bệnh; có các phương án cụ thể khi có dịch xảy ra ở diện rộng.

- Huy động sự tham gia tích cực và xác định vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền để từng bước nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân trong phòng bệnh, phát hiện bệnh dịch và phối hợp xử lý khi có dịch.

- Lồng ghép đưa nội dung phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm vào các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, vào các hoạt động phát triển kinh tế xã hội và cộng đồng nhằm ngăn chặn, khống chế không để các dịch bệnh xảy ra.

- Nâng cao năng lực trong thu thập, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm của hệ thống xét nghiệm.

- Duy trì đội phản ứng nhanh phòng chống dịch bệnh tại các tuyến để đáp ứng dịch bệnh khẩn cấp.

- Đảm bảo đủ thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh ở các địa phương.

- Đảm bảo vắc xin vật tư thực hiện đạt tỷ lệ tiêm chủng của chương trình TCMR.

- Tăng cường phối hợp giữa y tế và thú y, để trao đổi thông tin về tình hình các loại dịch bệnh từ động vật lây sang người, đặc biệt là cúm gia cầm, đại, liên cầu lợn... phối hợp trong công tác phát hiện, xử lý dịch triệt để, không để lây lan sang người;

- Phối hợp giữa y tế với giáo dục thực hiện truyền thông tại các điểm trường mầm non, nhà trẻ và tiểu học, đồng thời giám sát phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong trường học tại các xã;

- Phối hợp chặt chẽ các ban ngành, đoàn thể trong hoạt động giám sát xử lý nhanh, có hiệu quả khi dịch xảy ra. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền kiến thức về an toàn thực phẩm, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm.

b. Chương trình SXH:

- Cùng cố, phát huy vai trò của BCD CSSKND cấp huyện, xã trong hoạt động chủ động phòng chống dịch SXH;

- Phối hợp các ban ngành đoàn thể huyện-xã trong các hoạt động phòng chống sốt xuất huyết tại cộng đồng. Tổ chức các đợt chiến dịch diệt lăng quăng ngay từ đầu của 2025;

- Ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội huyện-xã phát động và duy trì thường xuyên phong trào vệ sinh môi trường phòng chống sốt xuất huyết. Hướng dẫn hộ gia đình tham gia phát hiện và xử lý ổ lăng quăng, thả cá trong các dụng cụ chứa nước sinh hoạt tại gia đình;

- Hộ gia đình tại các xã điểm cam kết với Ủy ban nhân dân xã: không có lăng quăng trong nhà;

- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện trong công tác tuyên truyền phòng chống SXH;

- Tập huấn nâng cao kỹ năng giám sát phòng chống dịch cho cán bộ trạm y tế. Giám sát chặt chẽ tình hình SXHD tại xã để dự báo dịch kịp thời;

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động giữa Điều trị – Dự phòng – Xét nghiệm;

- Cùng cố hoạt động mạng lưới CTV đạt hiệu quả xã dự án.

c. Chương trình Phòng chống Lao:

- Tham mưu BGĐ chỉ đạo các khoa lâm sàng trực thuộc Trung tâm Y tế có bệnh nhân có triệu chứng nghi mắc lao chuyển đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;

- Trạm Y tế xã giới thiệu bệnh nhân có triệu chứng nghi mắc lao đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;

- Cán bộ lao tuyến xã tiếp nhận mẫu đàm những bệnh nhân có triệu chứng nghi mắc lao chuyển đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;

- Vận động bệnh nhân đang điều trị lao đem mẫu đàm người nhà có triệu chứng nghi lao đến Tổ chống lao làm xét nghiệm;

- Chỉ định điều trị đúng phác đồ, đúng liều lượng, đủ thời gian đều đặn và phối hợp thuốc;

- Thường xuyên giám sát y tế xã và vãng gia thăm bệnh nhân đang điều trị lao trong giai đoạn điều trị củng cố.

d. Chương trình HIV/AIDS:

- Nâng cao chất lượng hoạt động phòng khám và điều trị HIV/AIDS, hoạt động dự án QTC và dự án EPIC giai đoạn mới;

- Cập nhật số bệnh nhân nhiễm HIV đang quản lý, tư vấn tham gia BHYT để được điều trị ARV liên tục;

- Tư vấn giới thiệu các đối tượng nghiện chích ma túy điều trị Methadone tại Cần Giuộc, Bến Lức;

- Tiếp cận tư vấn xét nghiệm HIV cho bạn tình/ bạn chích của người nhiễm, cho các đối tượng nguy cơ cao tại cơ sở và cộng đồng;

- Tiếp cận tìm ca, chuyển gửi điều trị ARV thành công

- Tập huấn nâng cao năng lực cho các cộng tác viên, đồng đẳng viên;

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề trong 2 đợt chiến dịch;

- Thảng cao điểm phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con;
- Thảng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS và ngày thế giới phòng chống HIV/AIDS 01/12;
- Tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Thảng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS năm 2025;
- Tăng cường công tác tư vấn giới thiệu khách hàng có nguy cơ tham gia điều trị dự phòng PrEP.

e. Chương trình TCMR:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát chương trình TCMR;
- Tăng cường quản lý thai, thu thập đầy đủ thông tin từ các tuyến;
- Tăng cường công tác tư vấn cho bà mẹ an toàn tiêm chủng viêm gan so sinh trong 24 giờ sau sinh;
- Tăng cường quản lý tốt thông tin đối tượng trên hệ thống phần mềm tiêm chủng;
- Thường xuyên theo dõi và xóa đối tượng trùng trên hệ thống, đảm bảo đạt tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ theo tiến độ từng thảng và đạt chỉ tiêu theo kế hoạch năm 2025.

f. Chương trình Sức khỏe tâm thần cộng đồng:

- Tiếp tục duy trì các xã có chương trình quốc gia bảo vệ SKTT cộng đồng để làm mô hình chuẩn;
- Hướng dẫn các dấu hiệu ban đầu của bệnh tâm thần cho trạm y tế xã/thị trấn và nhân viên sức khỏe cộng đồng;
- Thu thập các thông tin từ các khoa khám bệnh, phòng khám đa khoa khu vực Rạch Kiến, trạm y tế trực thuộc Trung tâm Y tế Cần Đức về các biểu hiện của người nghi ngờ mắc bệnh tâm thần nhằm phát hiện phát hiện và điều trị sớm;
- Điều trị: Quản lý theo dõi bệnh nhân cấp phát thuốc kịp thời đầy đủ, không bỏ trị;
- Triển khai thêm xã điểm SKTTCD.

g. Chương trình phòng chống bệnh phong:

- Tăng cường hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe;
- Giám sát định kỳ, đột xuất;
- Hướng dẫn bệnh nhân phong tàn tật thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp tàn tật;
- Khám tiếp xúc bệnh nhân mới;
- Duy trì kết quả loại trừ bệnh Phong cấp huyện.

h. Chương trình VSATTP:

- Tất cả các vụ ngộ độc thực phẩm đều được điều tra và xử lý kịp thời;
- Giám sát về hoạt động chương trình ATTP theo bảng kiểm định kỳ, đợt xuất theo tiêu chí quốc gia về y tế xã;
- Hướng dẫn người kinh doanh thực phẩm làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP;
- Phát thanh, tuyên truyền thông điệp ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Tổ chức lễ Phát động tháng hành động vì ATTP;
- Kiểm tra các đợt cao điểm về ATTP trong năm: Tết Nguyên Đán, Tháng hành động, Tết Trung thu và các đợt đợt xuất;
- Tham gia Đoàn thẩm định cơ sở đủ điều kiện ATTP;
- Phối hợp với Chi cục ATTP lấy mẫu giám sát mối nguy, mô hình điểm về ATTP.

i. Chương trình Phòng chống sốt rét:

- Lấy lam máu phát hiện KSTSR theo đúng qui định: tất cả các trường hợp nóng sốt từ 38°C trở lên ở vùng dịch tễ sốt rét phải được lấy máu tìm KSTSR;
- Tổ chức truyền thông ngày thế giới PCSR 25/4 hàng năm;
- Duy trì hoạt động loại trừ Sốt rét.

j. Chương trình Phòng chống các rối loạn do thiếu Iod:

- Khám và điều trị bướu cổ cho người dân có nhu cầu.
- Tổ chức truyền thông ngày 02/11 “Toàn Dân mua và sử dụng muối I-ốt” hàng năm.

k. Chương trình Phòng chống tai nạn thương tích:

- Nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống TNTT và cộng đồng an toàn;
- Từng bước giảm nguy cơ gây TNTT trong cộng đồng tiến tới xây dựng cộng đồng an toàn.

l. Chương trình Vệ sinh môi trường:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát định kỳ, đợt xuất chất lượng nước và VSMT tại các cơ sở cung cấp nước sinh trên địa bàn theo quy định;
- Thực hiện công tác hậu kiểm sau báo cáo nội kiểm chất lượng nước của các đơn vị cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.
- Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các cơ sở cung cấp nước chưa đạt yêu cầu theo kiến nghị.

m. Chương trình Y tế trường học:

- Khảo sát, đo đạc môi trường học tập giảng dạy;
- Quản lý, khám sức khỏe học sinh, tẩy giun cho học sinh ở các trường học.

n. Chương trình Nha học đường:

- Nâng cao chất lượng chương trình nha học đường cho học sinh tiểu học và mẫu giáo;
- Tăng cường hoạt động phòng bệnh răng miệng cho học sinh;
- Giám sát chảy răng, súc miệng, ngậm thuốc Fluor.

o. Chương trình An toàn vệ sinh lao động:

- Quản lý tốt sức khỏe công nhân lao động phòng ngừa và phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp;
- Triển khai tháng hành động vì ATLD năm 2025
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn huyện.
- Thực hiện truyền thông nhằm nâng cao ý thức, nhận thức của người sử dụng lao động, người lao động trong việc phòng ngừa, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc nhằm cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm tính mạng, sức khỏe của người lao động tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

p. Chương trình Đái tháo đường:

- Tăng cường sàng lọc để phát hiện sớm ĐTĐ, tiền ĐTĐ và các đối tượng có yếu tố nguy cơ nhằm quản lý, tư vấn dự phòng, giảm hoặc làm chậm lại sự tiến triển của bệnh và biến chứng của bệnh.
- Tăng cường công tác quản lý, điều trị người bệnh ĐTĐ.

q. Chương trình Tăng huyết áp:

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông GDSK với chủ đề giáo dục và dự phòng THA;
- Tăng cường sàng lọc và phát hiện sớm THA và các đối tượng có yếu tố nguy cơ nhằm quản lý, tư vấn dự phòng, giảm hoặc làm chậm lại sự tiến triển của bệnh và biến chứng của bệnh.
- Tăng cường công tác quản lý, điều trị người bệnh THA.

r. Chương trình phòng chống SDD TE và Vitamin A:

- Tăng cường công tác GDTT và HDTHDDHL cho thai phụ và bà mẹ có con dưới 2 tuổi về lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ;
- Giám sát hỗ trợ hoạt động Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng tại tuyến xã;
- Triển khai thực hiện chiến dịch uống Vitamin A.

s. Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Tiếp tục duy trì những kết quả đã đạt được như: làm mẹ an toàn.
- Khắc phục những mặt còn hạn chế;
- Giảm tỷ suất tử vong sơ sinh;
- Tăng cường thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh đề ra;
- Nâng cao dịch vụ chăm sóc SKSS, cung cấp kịp thời các phương tiện tránh thai;
- Tăng cường tầm soát ung thư vú và ung thư cổ tử cung;
- Tăng cường siêu âm sàng lọc trước sanh;
- Tăng cường thu thập số liệu, kịp thời, theo dân số mục tiêu.

t. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Tăng cường phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đến cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân để tạo sự đồng thuận trong việc thực thi chính sách và ủng hộ các hoạt động của ngành y tế; bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin tình hình, các khuyến cáo phòng, chống dịch bệnh, mô hình bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe giúp người dân nâng cao nhận thức, chủ động phòng ngừa và thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe. Tập trung các nội dung chính như sau:

- Truyền thông chính sách công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Truyền thông các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm công tác Y tế - Dân số năm 2025;
- Tăng cường truyền thông về các thành tựu, sự kiện y tế nổi bật, tiêu biểu; các thành tựu kỹ thuật y khoa chuyên sâu, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; các ca bệnh lần đầu tiên được triển khai tại đơn vị, các ca bệnh hiếm gặp, sáng kiến kinh nghiệm nhằm phục vụ công tác chăm sóc toàn diện người bệnh và nâng cao sự hài lòng của người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh; kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; dữ liệu thông tin y tế; thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số trong lĩnh vực y tế thực hiện Chương trình chuyển đổi số; cải cách hành chính;
- Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về dịch bệnh, bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe; thực hiện truyền thông nguy cơ giúp người dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và chủ động phòng ngừa dịch bệnh để bảo vệ và nâng cao sức khỏe của bản thân, tích cực tham gia bảo hiểm y tế, ủng hộ và tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe tại địa phương, đơn vị.
- Nâng cao y đức, y nghiệp, hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, rèn luyện y đức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh việc học tập và

làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, nhân viên y tế; hưởng ứng Phong trào toàn dân, toàn xã hội tham gia phòng, chống dịch bệnh, nâng cao sức khỏe,...Truyền thông biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc, người tốt việc tốt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đặc biệt là những người lao động trực tiếp tại các cơ sở y tế.

Trong đó, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp:

- Tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân tạo môi trường xã hội đồng thuận trong việc thực thi các quy định, chính sách trong lĩnh vực Y tế - Dân số.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của mạng lưới truyền thông Y tế - Dân số địa phương; chủ động chia sẻ, trao đổi thông tin y tế giữa các cấp; nâng cao chất lượng nội dung truyền thông nhằm kịp thời nắm bắt, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ tốt công tác truyền thông trong lĩnh vực Y tế - Dân số.

- Truyền thông thường xuyên, hiệu quả, kịp thời về các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác y tế năm 2025. Tập trung truyền thông vào các tháng cao điểm, truyền thông các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2025 của đất nước, của ngành Y tế - Dân số.

- Chủ động nắm bắt thông tin, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời, minh bạch, chính xác nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, chia sẻ của dư luận xã hội và mỗi người dân đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Truyền thông giáo dục y đức, y nghiệp, các phong trào thi đua yêu nước, rèn luyện y đức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, nhân viên y tế. Biểu dương những tấm gương người tốt việc tốt, các tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Phối hợp các ngành, đơn vị trong và ngoài ngành y tế tăng cường truyền thông về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Đồng thời thực hiện truyền thông phòng chống thiên tai, thảm họa và khắc phục các hậu quả sau thiên tai, thảm họa.... khi có văn bản chỉ đạo.

2. Công tác Dân số và Phát triển:

- Tập trung mọi nỗ lực để ổn định quy mô dân số, tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con. Triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung về quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số và phân bố dân cư. Nội dung, phương thức truyền thông, vận động phải được xây dựng phù hợp với tình hình dân số, điều kiện kinh tế, xã hội, đặc trưng văn hóa của từng địa phương, đối tượng.

- Tiếp tục quán triệt nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới đến các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn và các tầng lớp nhân

dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn thể xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển;

- **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện các mô hình, đề án về công tác Dân số:** Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, xây dựng xã, thị trấn đạt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng sinh đủ 02 con và đưa chính sách Dân số vào quy ước ấp, khu phố, đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về công tác Dân số và Phát triển, tạo sự đồng thuận của xã hội trong việc thực hiện mô hình gia đình có đủ hai con, có cuộc sống ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, góp phần thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh thấp hợp lý, cân bằng giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số; Đề án Nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền, vận động phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh, thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh để phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, tuyên truyền tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn, để phát hiện, phòng ngừa hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn, mang thai, sinh con, các nguy cơ sinh con bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh, góp phần bảo đảm hôn nhân bền vững và nâng cao chất lượng giống nòi, tổ chức tập huấn, sinh hoạt ngoại khóa cung cấp kiến thức về CSSKSS VTN/TN cho cán bộ đoàn, cán bộ lớp, cho học sinh các Trường THPT, THCS về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên; Đề án chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi thích ứng với giai đoạn già hoá dân số, tổ chức Chiến dịch chăm sóc sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã, thị trấn để khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT. Nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận và phong trào toàn xã hội tham gia chăm sóc sức khỏe NCT, nâng cao kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của NCT; góp phần thực hiện đạt các mục tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

- Tổ chức Chiến dịch tuyên truyền, vận động lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGD năm 2025.

3. Công tác Khám chữa bệnh:

a. Công tác cấp cứu – khám bệnh – chữa bệnh:

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ như hiện nay, đơn vị tập trung vào 1 số vấn đề trọng tâm như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả Dự kiến
-----	--------------------	-----------	-----------	--------	-----------------

1	Đảm bảo đủ nhân viên có trình độ phù hợp với nơi công tác.	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Cán bộ công tác đúng CM
2	Sử dụng hiệu quả các TTBYT	Quý I/2025	TK cấp cứu	Phòng KHNH	BS. ĐD sử dụng hiệu quả các TTBYT
3	Tiếp tục hoàn thiện phác đồ điều trị	Quý I/2025	Phòng KHNH	Ban GD	Hoàn chỉnh các phác đồ
4	Tổ chức khám sức khỏe theo quy định.	Mỗi ngày	Khoa Khám bệnh	Phòng KHNH	Đảm bảo KSK đạt yêu cầu
5	Triển khai các kỹ thuật hồi sức cấp cứu theo phân tuyến kỹ thuật: thở máy không xâm nhập, kỹ thuật phá rung tim...	Quý II/2025	Khoa CCHS	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
6	Triển khai chăm sóc người bệnh toàn diện cho khoa CCHS	Quý I/2025	Khoa CCHS	Phòng ĐD	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
7	Triển khai kỹ thuật xét nghiệm mới: Khí máu động mạch, xét nghiệm đông máu, các xét nghiệm miễn dịch...	Quý I/2025	Khoa Xét nghiệm	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
8	Triển khai siêu âm tim và mạch máu	Quý I/2025	Khoa CĐHA	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
9	Triển khai thêm kỹ thuật chụp CT scanner	Quý I/2025	Khoa CĐHA	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên
10	Triển khai các kỹ thuật ngoại khoa	Quý IV/2025	Khoa Cấp cứu	Phòng KHNH	Thực hiện tốt các kỹ thuật trên

b. Công tác đào tạo cán bộ y tế:

Tổ chức các khóa đào tạo liên tục cho các thành viên trong TTYT:

- Tổ chức các khóa đào tạo liên tục cho tuyến dưới nâng cao trình độ chuyên môn (có kế hoạch chỉ đạo tuyến).

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Đào tạo kỹ năng chăm sóc	Quý	Phòng	Phòng	Có ít nhất 01

	người bệnh	I/năm 2025	Điều dưỡng	TCHC	CB tham gia khoá học trên
2	Đào tạo liên tục về phác đồ điều trị	Quý I/Năm 2025	Phòng KHNV	Phòng TCHC	Có ít nhất 01 CB tham gia khoá học trên

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn do tuyển trên tổ chức:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Hồi sức cấp cứu	Năm 2025	Bác sĩ, Điều dưỡng, Y sĩ	Phòng TCHC	Thực hiện được các kỹ thuật hồi sức cấp cứu sau khi đào tạo
2	Quản lý chất lượng Bệnh viện	Năm 2025	Thành viên tổ quản lý chất lượng Bệnh viện	Phòng TCHC	Thực hiện tốt Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện

- Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế ở bậc trung học: Bệnh viện sẽ có giải pháp hỗ trợ theo yêu cầu của Trường Cao đẳng Y tế Long An.

c. Thực hiện quy chế bệnh viện:

- Quy chế quản lý:

+ Quy chế kế hoạch:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổ chức TK năm 2025	01/2025	Phòng KHNV	Ban GD	Có biên bản lưu
2	Xây dựng KH hoạt động năm 2025 của khoa phòng	01/2025	Các Trưởng khoa	Phòng KHNV	Có KH cụ thể
3	Xây dựng KH hoạt động năm 2025 của TTYT	02/2025	Phòng KHNV	Ban GD	Có KH được duyệt
4	Tổ chức triển khai kế hoạch 2025	02/2025	Ban GD	Phòng KHNV	Có KH và biên bản

+ Quy chế quản lý biểu mẫu và ghi ghép thông tin y tế, báo cáo:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự
-----	--------------------	-----------	-----------	--------	------------

					kiến
1	Triển khai biểu mẫu, sổ sách mới (nếu có)	01/2025	Phòng KHNH	Các Trưởng khoa	Các bộ phận có đủ mẫu
2	Kiểm tra ghi chép sổ, biểu mẫu theo qui định	Hàng tháng	Phòng KHNH	BGD	Có biên bản
3	Báo cáo thông tin y tế - Các khoa, phòng báo cáo - CB thống kê báo về SYT, PYT	Trước 04 tây hàng tháng Trước 06 tây/PYT Trước 08 tây/SYT	- TK của khoa, phòng - CBTK của TTYT	- Phòng KHNH - Phòng KHNH	BC đủ, đúng BC đủ, đúng
4	Báo cáo sơ kết, tổng kết	Tháng 3,6,9,12	Các Trưởng khoa	Phòng KHNH	Có báo cáo

+ Qui chế họp:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Giao ban hằng ngày	7h15/ngày	Ban GD	BS trực	Có biên bản
2	Họp tuần - Ban giám đốc - Ban giám đốc - ĐD Trưởng khoa - HĐ người bệnh cấp khoa	T2/tuần T3/tuần T5/tuần T6/tuần	Giám đốc Giám đốc TP.ĐD Trưởng khoa	PGD Các TP ĐD TK ĐD TK	Có biên bản Có biên bản Có biên bản Có biên bản
3	Họp tháng - Họp khoa, phòng - Họp CB chủ chốt bệnh viện - Họp hội đồng thuốc - HĐ người bệnh cấp bệnh viện - Họp hội đồng CNK	T5/tuần 4 T2/tuần 4 1lần/tháng T6/tuần 4 1lần/quý	Các TK Giám đốc HĐ Thuốc và ĐT	KHTH Phó GD Ban GD	Có biên bản đầy đủ các thành viên trong HĐ
4	Họp sơ kết 6 tháng - Sơ kết khoa - Họp TK toàn BV	Tháng 6 Tháng 7	- Các TK - Giám đốc	ĐD TK Phòng KHTH	Có báo cáo và biên bản họp
5	Tổng kết năm				

	- TK khoa - TK cuối năm/BV	01/2025 01/2025	Các TK Ban GĐ	ĐD TK P.KHTH	Có báo cáo và biên bản họp
--	-------------------------------	--------------------	------------------	-----------------	----------------------------------

+ Quy chế quản lý lao động:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Chăm công khoa, phòng	Mỗi ngày	ĐD HC	ĐD TK	Bảng chăm đúng qui định
2	Khám sức khỏe định kỳ cho CBCC	1 lần/năm	Phòng khám	P.TCHC Công đoàn	100% CB được KSK
3	Xây dựng KH đào tạo về chuyên môn, quản lý, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cho CBCC	01/2025	Phòng TCHC	Ban GĐ	Có kế hoạch cụ thể
4	Xây dựng tiêu chí trưởng phó khoa, phòng	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GĐ	Có tiêu chuẩn cụ thể

+ Quản lý kinh tế y tế:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Triển khai văn bản pháp luật liên quan việc thực hiện ND 43 và chỉ thị 05 của TT về xã hội hoá công tác y tế	Quý I/2025	Phòng TCKT	Ban GD	Có đủ các văn bản và biên bản lưu
2	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025	Quý I/2025	Phòng TCKT	Ban GD	Có quy chế phù hợp
3	Xây dựng tiêu chí xét tiền lương tăng thêm	Quý I/2025	P.TCHC	Ban GD	Có tiêu chí phù hợp
4	Lập kế hoạch triển khai khám chữa bệnh theo yêu cầu (dịch vụ)	Quý I/2025	P.TCHC	Ban GD	Có kế hoạch cụ thể

+ Thực hiện y đức:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổ chức học tập 12 điều y đức cho tất cả CBCC	Tháng 2/2025	Ban GD	Phòng TCHC	100% CBCC được học tập
2	Tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của bệnh nhân	Quý/ lần	Phòng ĐD	Phòng KHNH	Có báo cáo

+ Quy chế hội đồng thuốc: thực hiện đúng quy chế:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng danh mục thuốc đầu thầu cho bệnh viện	1-2/2025	Khoa Dược	HĐ Thuốc & Điều trị	Có danh mục thuốc
2	Xây dựng phác đồ điều trị	Quý II/2025	Phòng KHNH	Ban GD	Có phác đồ
3	Kiểm tra thực hiện quy chế chẩn đoán, kê đơn điều trị, quy chế sử dụng thuốc	Hàng tháng	Phòng KHNH	Ban GD	Các khoa LS
4	Thông tin về thuốc	Hàng tháng	Khoa Dược	Phòng KHNH	Có bài viết
5	Báo cáo định kỳ và sơ, tổng kết 3,6,9,12 tháng	Quý/ lần	Khoa Dược	Phòng KHNH	Có báo cáo và biên bản

+ Qui chế quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị y tế:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tổng hợp dự trù mua sắm thiết bị các khoa	Tháng 1/2025	Các khoa	ĐD trưởng khoa	Có danh mục/khoa
2	Lập kế hoạch dự trù mua sắm thiết bị y tế	Tháng 3/2025	Phòng KHNV	Ban GD	Có kế hoạch
3	Kiểm tra bảo quản, sử dụng các TTBYT	Tháng 6,12/2025	Phòng KHNV	Ban GD	100% TTB được kiểm tra
4	Định mức vật tư tiêu hao. Qui định tiết kiệm điện nước, văn phòng phẩm	Quý I/2025	Phòng TCKT, Phòng ĐD. Khoa Dược	Ban GD	Có qui định cụ thể

+ Qui chế kiểm tra:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Tự kiểm tra khoa, phòng	1 lần/tháng	Các khoa	Phòng ĐD	Có biên bản
2	Kiểm tra tháng: qui chế quản lý, qui chế chuyên môn	Hàng tháng	Phòng KHNV, Phòng ĐD	Ban GD	Có biên bản
3	Kiểm tra đột xuất	Lễ, Tết	Phòng KHNV, Phòng ĐD	Ban GD	Có biên bản

+ Qui chế học tập:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch đào tạo lại cho CB huyện và xã	Quý 1/2025	Phòng KHNV, phòng ĐD	Ban GD	Có KH
2	Triển khai kế hoạch đào tạo	Quý 1/2025	Phòng KHNV, Phòng ĐD	Ban GD	Có biên bản
3	Tổng kết, đánh giá kết quả giảng dạy và học tập	Tháng 11/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Có biên bản

+ Qui chế chỉ đạo tuyển:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng KH chỉ đạo tuyển	1/2025	Phòng KHNH	Ban GD	Có KH
2	Xây dựng nội dung huấn luyện, giám sát, kiểm tra	1/2025	Các trường khoa	Phòng KHNH	Có bảng kiểm
3	Huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn cho CB y tế tuyến xã	Mỗi 6 tháng	Phòng ĐD	Ban GD, phòng KHNH	Có biên bản huấn luyện
4	Tham gia hỗ trợ CM cho tuyển xã và tham gia công tác phòng chống dịch	Khi có yêu cầu và khi có dịch	Trưởng khoa	Ban GD	Có biên bản CĐT
5	Sơ kết, tổng kết công tác chỉ đạo tuyển	10/2025	Phòng KHNH	Trưởng khoa	Có biên bản sơ kết, tổng kết

+ Qui chế nghiên cứu khoa học công nghệ:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Đăng ký đề tài và nộp đề cương	Quý I/2025	Phòng KHNH, phòng ĐD	Hội đồng KHKT	Có tên đề tài NCKH
2	Quyết định triển khai đề tài	Quý I/2025	Ban GD		Có đề cương
3	Giám sát tiến độ và nội dung nghiên cứu	Tháng 3,6,9	CT Hội đồng KHKT	Hội đồng KHKT	Có biên bản giám sát
4	Nghiệm thu kết quả nghiên cứu	Tháng 10/2025	HĐ nghiệm thu	Hội đồng KHKT	Có biên bản

- Qui chế chuyên môn:

Hầu hết các qui chế chuyên môn đều thực hiện tốt. Tuy nhiên trong năm 2023 còn 1 số tồn tại một số vấn đề trong qui chế hồ sơ bệnh án, hội chẩn, sử dụng thuốc. Năm 2023 phải đảm bảo thực hiện tốt tất cả các qui chế về chuyên môn. Trong đó tập trung khắc phục những tồn tại vừa qua. Cụ thể như sau:

+ Quy chế thường trực:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả
-----	--------------------	-----------	-----------	--------	---------

					dự kiến
1	Tổ chức trực 24/24	Mỗi ngày	Phòng KHNH	Ban GD	Có lịch trực
2	Các phiên trực đảm bảo đầy đủ các phương tiện để kịp thời cấp cứu BN	Mỗi ngày	Trưởng các khoa LS	Ban GD	Đủ phương tiện cấp cứu
3	Vị trí trực có đủ phương tiện hướng dẫn, đèn sáng	Liên tục cả năm	Trưởng các khoa	Phòng HCQT	Đủ bảng, mũi tên hướng dẫn, đèn đủ sáng
4	Chế độ ghi chép thường trực, giao ban đúng qui định	Liên tục mỗi ngày	Các thành viên trực	Phòng KHNH	Có đầy đủ biên bản

+ Quy chế cấp cứu:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Công tác cấp cứu đảm bảo hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày	Mỗi ngày	TK Cấp cứu- Hồi sức	Phòng KHNH	Đảm bảo cấp cứu BN 24/24 giờ
2	Phương tiện cấp cứu hoạt động tốt	Mỗi ngày	TK lâm sàng	Ban GD	Sử dụng tốt khi có bệnh
3	Xây dựng qui trình cấp cứu	Quý I/2025	TK Cấp cứu- Hồi sức	Phòng KHNH	Có qui trình
4	Tất cả bệnh vào cấp cứu phải khám ngay, chẩn đoán, tiên lượng và xử trí kịp thời	Cả năm	Bác sĩ trực	Ban GD	Có hồ sơ lưu
5	Quá khả năng CM phải hội chẩn để xử trí kịp thời	Liên tục cả năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	100% có biên bản lưu
6	Đảm bảo đủ nhân sự, thuốc, TTB, phương tiện vận chuyển để CC ngoại viện	Liên tục cả năm	Đội cấp cứu ngoại viện	Phòng KHNH	Cấp cứu tốt 100% cas có yêu cầu
7	Tất cả các bệnh nhân nhập khoa CCHS hoặc lưu tại khoa CCHS đều phải được thực hiện bệnh án	Từ Quý I/2025	Bác sĩ và Điều dưỡng khoa CCHS	Phòng KHNH	Thực hiện tốt

+ Quy chế chẩn đoán bệnh. làm hồ sơ bệnh án và kê đơn điều trị:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Người bệnh CC được làm bệnh án ngay, hoàn chỉnh trước 24 giờ và đủ XN cần thiết	Khi có bệnh cấp cứu	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	Có bệnh án đúng qui định
2	Người bệnh không thuộc diện CC phải hoàn chỉnh bệnh án trước 36 giờ	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	Có bệnh án đúng qui định
3	Bệnh án ghi đầy đủ, không tẩy xóa	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	BA sạch. đầy đủ
4	Tên thuốc rõ ràng. Thuốc gây nghiện, hướng tâm thần, kháng sinh, corticoide phải được đánh số thứ tự để theo dõi	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	100% nhân viên liên quan thực hiện đúng
5	Điều trị trên 15 ngày phải có phiếu sơ kết	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	Có đủ phiếu sơ kết
6	Bác sĩ trưởng khoa khám bệnh nội trú đã điều trị 3-4 ngày. Có ghi nhận xét và chỉ định vào tờ điều trị	Liên tục trong năm	Bác sĩ TK	Phòng KHNH	100% TK ghi vào BA

+ Quy chế vào viện, chuyển khoa, chuyển viện. ra viện:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Khi BN vào viện phải làm HSBA đúng qui định	Liên tục trong năm	Bác sĩ điều trị	Phòng KHNH	100% bệnh nội trú có BA
2	Bệnh nhân đến khoa phải ký nhận đầy đủ	Liên tục trong năm	ĐD các khoa	Phòng ĐD	Có ký nhận đầy đủ
3	Bệnh nhân có chỉ định chuyển viện phải: - Hội chẩn - Liên hệ với BV tuyến trên - Tóm tắt HSBA, các XN đã làm, chẩn	Khi có bệnh chuyển viện	BS điều trị	Ban GD Phòng KHNH	100% có biên bản hội chẩn, thủ tục trên đúng qui định

	đoán, thuốc dùng, tình trạng bệnh hiện tại				
4	Chuyển viện đảm bảo an toàn (đủ phương tiện hồi sức)	Liên tục trong năm	TK lâm sàng	Phòng KHNV	Đủ oxy, dụng cụ hồi sức.
5	Khi bệnh nhân ra viện: - Trưởng khoa khám lại và cho chỉ định xuất viện - Thực hiện đầy đủ thủ tục cho BN	Liên tục trong năm	TK lâm sàng ĐD T.khoa	Phòng KHNV. Phòng ĐD	- Có ghi vào bệnh án - 100% thực hiện đúng

+ Quy chế điều trị ngoại trú:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Làm bệnh án cho tất cả BN điều trị ngoại trú	Liên tục cả năm	BS điều trị	Phòng KHNV	100% có bệnh án

+ Quy chế hội chẩn:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Hội chẩn khi khó chẩn đoán và điều trị, tiên lượng dè dặt, cấp cứu	Khi có chỉ định	BS điều trị	Phòng KHNV	Có đủ biên bản đúng qui định
2	Thủ tục hội chẩn đúng theo qui định	Khi tiến hành HC	BS điều trị	Phòng KHNV	Có lưu sổ và trích biên bản

+ Quy chế sử dụng thuốc:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Y lệnh dùng thuốc phải đầy đủ, rõ ràng bao gồm: tên thuốc, hàm lượng, liều dùng, đường dùng và thời gian dùng	Liên tục trong năm	BS điều trị	Phòng KHNV TK Dược	100% BS thực hiện đúng
2	Thuốc phù hợp chẩn đoán, tuổi, cân nặng, cơ địa BN	Liên tục trong năm	BS điều trị	Phòng KHNV, Khoa Dược	100% BS thực hiện đúng

3	Chỉ định thuốc độc, thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần phải theo đúng qui định	Liên tục trong năm	BS điều trị	Phòng KHNH, Khoa Dược	100% BS thực hiện đúng
4	Thực hiện phiếu riêng khi lĩnh gây nghiện, thuốc hướng thần	Liên tục trong năm	ĐD khoa	Phòng ĐD, Khoa Dược	100% ĐD thực hiện đúng
5	Bảo quản thuốc theo qui định	Liên tục trong năm	Thủ kho dược, ĐD T.khoa	Khoa Dược	ĐK bảo quản đạt
6	Thực hiện nghiêm chỉnh 3 kiểm tra, 5 đối chiếu	Mỗi ngày	ĐD chăm sóc BN	Phòng ĐD, ĐD T.khoa	100% ĐD thực hiện đúng
7	Khi tiêm thuốc phải có hộp chống sốc	Liên tục mỗi ngày	ĐD chăm sóc BN	Phòng ĐD, ĐD T.khoa	100% CB thực hiện đúng

+ Quy chế công tác chăm sóc toàn diện:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Phân loại cấp chăm sóc đúng qui định	Liên tục mỗi ngày	BS điều trị	TK lâm sàng	100% phân loại đúng
2	Thực hiện chăm sóc hoàn toàn cho bệnh nhân cấp I	Khi có bệnh CS cấp 1	ĐD khoa	Phòng ĐD, ĐD T.khoa	100% BN CS cấp 1

+ Quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Củng cố HĐKSNK	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Có QĐ
2	HĐ họp mỗi quý 1 lần	tháng đầu/quý	Chủ tịch HĐ	Ban GD	Đủ 4 biên bản/năm
3	Cung cấp đủ hoá chất, vật dụng khử khuẩn	Liên tục trong năm	Khoa Dược	Ban GD	Đủ sử dụng
4	Có qui trình khử khuẩn cho các khoa	Quý I/2025	Chủ tịch Hội đồng KSNK	Ban GD	Có qui trình
5	Chất thải được thu	Mỗi ngày	Tất cả NV	Hội	Thực hiện

	gom và xử lý đúng qui định			đồng KSNK	ng nghiêm túc
--	----------------------------	--	--	-----------	---------------

4. Xây dựng cơ bản: Không.

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến

5. Thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Thực hiện	Hỗ trợ	Kết quả dự kiến
1	Lấy ý kiến về cách điều hành của Ban giám đốc: các trưởng bộ phận góp ý	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Có bảng tổng hợp các góp ý
2	Xây dựng tiêu chí bố trí trưởng phó khoa, phòng; bổ nhiệm, miễn nhiệm	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Có tiêu chí phù hợp
3	Xây dựng tiêu chí cử đi học nâng cao trình độ	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Có tiêu chí phù hợp
4	Xây dựng quy chế luân chuyển cán bộ giữa các khoa, phòng	Quý I/2025	Phòng TCHC	Ban GD	Có qui định cụ thể
5	Sinh hoạt về nội dung dân chủ cơ sở ở cơ quan nhà nước	6 tháng 1 lần	Phòng TCHC	Ban GD	Có biên bản lưu

6. Chỉ đạo tuyến:

a. Thực hiện tốt kế hoạch tăng cường cán bộ tuyến trên về hỗ trợ chuyên môn cho tuyến dưới (Đề án 1816).

b. Tham gia củng cố công tác chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm nhất là trong bệnh sốt xuất huyết, cúm Covid-19 đối với Cơ sở 2 và TYT các xã.

c. Củng cố và duy trì các xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

d. Tổ chức đào tạo lại về chuyên môn tại chỗ cho các bác sĩ, điều dưỡng và nữ hộ sinh.

e. Mời các chuyên gia chuyên ngành về đào tạo một số lĩnh vực cần triển khai trong năm 2025 (dự kiến mỗi quý một lần).

7. Nghiên cứu KHKT - Sinh hoạt KHKT:

a. Duy trì sinh hoạt khoa học kỹ thuật hàng tháng trong Trung tâm Y tế (tạo điều kiện cho Cơ sở 2 và các xã về dự).

b. Tổ chức bình bệnh án và bình toa thuốc mỗi tháng một lần.

c. Sử dụng hình thức thông tin nhanh ít nhất mỗi tuần một lần nhằm cập nhật kiến thức cho các y bác sĩ Trung tâm Y tế.

d. Phát động phong trào NCKH trong toàn thể công chức – viên chức. Chỉ tiêu có ít nhất 03 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu.

8. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe đến các khoa phòng bằng hệ thống phát thanh toàn bệnh viện ngoài các buổi giáo dục sức khỏe tại khoa do các điều dưỡng trưởng khoa phụ trách.

9. Mua sắm trang thiết bị y tế:

Trong năm 2025 các TTBYT của Dự án xây dựng bệnh viện 100 giường vẫn còn đủ sử dụng, Dự án xây dựng khối YTDP đã cung cấp nên nhu cầu mua sắm TTBYT sẽ không nhiều. Chủ yếu mua sắm công cụ, dụng cụ và các thiết bị y tế khác phục vụ cho công tác chuyên môn.

10. Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:

a. Tổ chức tập huấn điều trị và săn sóc bệnh nhân sốt xuất huyết, Tay – Chân – Miệng...cho các bác sĩ và điều dưỡng (kể cả các TYT xã).

b. Tổ chức đào tạo tại chỗ cho các bác sĩ và điều dưỡng.

11. Tuyển dụng bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên và nữ hộ sinh:

a. Cố gắng tuyển dụng thêm một số vị trí còn thiếu (trong biên chế cho phép) theo kế hoạch phân bố của tỉnh.

b. Bằng nguồn kinh phí có được sẽ hợp đồng ngoài biên chế một số vị trí cần thiết (đặc biệt các bác sĩ của TTYT vừa nghỉ hưu).

12. Thu chi ngân sách: (Phụ lục 3).

V. Đề nghị:

Để đảm bảo đủ điều kiện hoạt động và phục vụ bệnh nhân ngày một tốt hơn, Trung tâm Y tế đề nghị:

- Sở Y tế Long An và UBND huyện có chính sách thu hút nhân tài (đặc biệt là bác sĩ) để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân địa phương.
- Cần có sự phối hợp tốt của nhiều ban ngành trong việc xây dựng và củng cố Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Dựa trên kế hoạch này các khoa phòng sẽ xây dựng cho khoa phòng mình kế hoạch cụ thể hơn và hàng tháng phải có rút kinh nghiệm, hàng quý phải có sơ kết, đánh giá gửi về Ban Giám Đốc và Phòng KHNV./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Long An;
- BGĐ, các Khoa/Phòng;
- TTYT Cần Đước cơ sở 2;
- Lưu: VT, TCHC, KHNV.

GIÁM ĐỐC**Võ Thị Thùy Trang**

***** Các phụ lục:**

1. Phụ lục 1: Chỉ tiêu hoạt động năm 2025 của hệ dự phòng
2. Phụ lục 2: Chỉ tiêu hoạt động năm 2025 của hệ điều trị
3. Phụ lục 3: Dự toán thu chi tài chính năm 2025 của TTYT

Phụ lục 1: Các chỉ tiêu hoạt động năm 2025 của Hệ dự phòng

1. Chương trình phòng chống dịch:

- Duy trì thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh.
- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 1 tuổi $\geq 90\%$ quy mô cấp xã.
- Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đủ mũi vắc xin uốn ván đạt $> 85\%$.
- 100% bệnh, dịch bệnh mới phát sinh được phát hiện và xử lý kịp thời.
- Đảm bảo cán bộ làm công tác thống kê báo cáo bệnh truyền nhiễm được tập huấn về giám sát, công tác báo cáo bệnh truyền nhiễm, nâng cao chất lượng và áp dụng hệ thống báo cáo điện tử.
- Đảm bảo cán bộ làm công tác phòng chống dịch được đào tạo, đào tạo lại, tập huấn về các bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi.
- Đảm bảo nhân viên y tế làm việc tại các khoa khám bệnh, khoa Nội, truyền nhiễm được tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn, hướng dẫn chẩn đoán, điều trị.
- **Chỉ tiêu cụ thể đối với một số bệnh truyền nhiễm**

+ Các bệnh Ebola, MERS-CoV, cúm A (H7N9): Hạn chế tối đa dịch bệnh xâm nhập và lây lan.

+ Các bệnh cúm A (H5N1), cúm A (H5N6) và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, mới nổi khác: 100% ổ dịch được phát hiện, xử lý kịp thời, không để bùng phát trong cộng đồng, cơ sở y tế.

+ Liên cầu lợn, đậu mùa khỉ, dại: hạn chế tối đa số ca mắc bệnh, tử vong.

+ Bệnh sốt rét

Tỷ lệ mắc: $< 2,5/100.000$ dân.

Tỷ lệ tử vong: $\leq 0,002/100.000$ dân.

+ Bệnh tả: 100% ổ dịch được phát hiện, xử lý kịp thời, không để lây lan trong cộng đồng.

+ Các bệnh truyền nhiễm khác còn lại: giảm 5% so với trung bình giai đoạn 2016-2020.

(Riêng chỉ tiêu các bệnh liên quan đến Tiêm chủng và Sốt xuất huyết thực hiện theo chỉ tiêu của chương trình Tiêm chủng và Sốt xuất huyết).

2. Chương trình phòng chống Sốt xuất huyết:

- Giảm tỉ lệ mắc.
- Giảm tỉ lệ chết.
- Không chế không để SXH xảy ra thành dịch lớn.
- Xã hội hóa y tế chương trình phòng chống SXH, xây dựng các văn bản pháp quy để triển khai thực hiện.

- Giảm 11% tỉ lệ mắc/ 100.000 dân do sốt xuất huyết so với trung bình giai đoạn 2016-2020.

- Không chế tỉ lệ chết/mắc do SXH < 0,09%.

- Không chế tỉ lệ chết/mắc do SXH nặng < 1%.

- 100% số xã thực hiện giám sát dịch tễ chủ động.

- 90% hộ gia đình tại các xã được cung cấp kiến thức phòng chống dịch, cam kết không có bộ gây/lăng quăng trong hộ gia đình khi triển khai chiến dịch diệt lăng quăng.

- 70% hộ gia đình tại các xã được kiểm tra định kỳ không có bộ gây/lăng quăng trong hộ gia đình khi triển khai chiến dịch diệt lăng quăng.

- 100% xã triển khai chiến dịch diệt lăng quăng có hiệu quả ít nhất 2 lần/năm.

- 100% ổ dịch được xử lý sớm và triệt để.

- 100% xã/ấp bùng phát dịch triển khai dập dịch diện rộng sớm và chủ động sớm.

- 100% xã có hồ nhân nuôi cá tại trạm y tế để có đủ lượng cá xử lý ổ dịch nhỏ và thực hiện chiến dịch diệt lăng quăng 2 lần/năm.

3. Chương trình phòng chống Lao:

- Số người nghi lao xét nghiệm đàm 1.229;

- Thu dung điều trị 254 ca;

- Điều trị lành chung $\geq 90\%$;

- Xét nghiệm lao HIV $\geq 90\%$;

- Thu nhận lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học $\geq 80\%$ /133 bệnh;

- Tỉ lệ không theo dõi được (bỏ trị dưới 2,5%).

4. Chương trình HIV/AIDS:

Chương trình	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu 2025
Tiếp cận tìm ca tại cơ sở y tế	1. Số KH xét nghiệm HIV	475
	2. Số KH dương tính	32
	2.1. Chỉ tiêu EPIC	95%
	2.2. Chỉ tiêu của SYT	70
	3. Số KH chuyển gửi thành công	100
	4. Số KH chuyển gửi Prep	90%
	5. Số sinh phẩm tự XN phát cho KH	640

	6. Số KH (+) được Xn Recency	70
Điều trị ARV	1.Số BN đang điều trị ARV	70%
	2. Số BN mới điều trị ARV	<5%
	2.1. Tỷ lệ/ Số BN điều trị ARV trong cùng ngày có KQ XN khẳng định HIV	90%
	3.Tỷ lệ/ Số BN bỏ trị và tử vong	90% BN đủ TC
	4. Tỷ lệ/ Số BN duy trì đtri tại thời điểm 12 tháng sau khi bắt đầu đtri ARV	80%
	5. Tỷ lệ/Số BN đo tải lượng HIV	95%
	5.1. Tỷ lệ/Số BN được đo tải lượng HIV bằng nguồn BHYT	70%
	5.2.Tỷ lệ/Số BN có KQ TL HIV dưới NUC (<1000 copy/ml)	1,5%
	6. Tỷ lệ/Số BN được cấp phát thuốc nhiều tháng/Số BN đang QL	90%
	7. Tỷ lệ/Số BN được điều trị lao tiềm ẩn	70%
	8. Số (%) BN được bắt đầu ĐT LTA bằng 3HP	70
	9. Số (%) BN thực hiện các XN theo dõi điều trị ARV định kỳ 6 tháng qua BHYT	66
Điều trị PrEP	1. Số khách hàng bắt đầu điều trị PrEP	85
	2.Số khách hàng quay lại tái khám	65

5. Chương trình TCMR:

- Duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt.
- Duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh.
- $\geq 95\%$ tiêm đủ liều cho trẻ < 1 tuổi.
- $\geq 90\%$ VAT cho thai phụ.
- $\geq 90\%$ VAT cho phụ nữ 15-16t tuổi.
- $\geq 95\%$ sởi cho trẻ em 18 tháng.
- $\geq 90\%$ Vaccin Viêm não Nhật Bản mũi 1-3 cho trẻ 1-5 tuổi.
- Giám sát chết sơ sinh, uốn ván sơ sinh, bại liệt, liệt mềm cấp.
- Đảm bảo an toàn tiêm chủng. quản lý dây chuyền lạnh đúng qui định.

6. Chương trình SKTTCD:

- $\geq 70\%$ bệnh nhân chữa ổn định.
- $\leq 20\%$ hành vi gây rối.
- $\leq 20\%$ hành vi gây hại.
- $\leq 20\%$ trường hợp mãn tính và tàn phế.
- $\leq 10\%$ tỉ lệ tái phát phải nhập viện.
- Triển khai thêm 01 xã điểm SKTTCD.
- Khám phát hiện và điều trị kịp thời bệnh nhân mới giảm bớt tác hại về kinh tế xã hội.

7. Chương trình phong:

- Tỉ lệ lưu hành $< 0,02/10.000$ dân;
- 100% bệnh nhân phong bị tàn tật được chăm sóc tàn tật;
- 100% bệnh nhân phong hòa nhập cộng đồng và không bị bất kỳ vấn đề gì do thành kiến với bệnh phong;
- 100% bệnh nhân phong nghèo/tàn tật có nhà ở.

8. Chương trình phòng chống sốt rét:

- Loại trừ sốt rét.
- Lam phát hiện sốt rét 400 lam/năm.

9. Chương trình phòng chống các rối loạn do thiếu I- ốt:

- Tăng tỉ lệ hộ gia đình sử dụng muối I-ốt $> 90\%$.
- Tăng nồng độ I-ốt niệu: $10-19 \mu\text{g/dl}$.
- Giảm tỉ lệ bướu cổ ở học sinh 08-10 tuổi còn $\leq 5\%$

10. Chương trình phòng chống tai nạn thương tích:

100% xã có đủ phương tiện và sẵn sàng sơ cấp cứu khi có xảy ra tai nạn thương tích trên địa bàn mình quản lý.

11. Chương trình vệ sinh môi trường:

- Nâng cao tỉ lệ hộ sử dụng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh và xử lý rác:
 - + Nhà vệ sinh tăng 2%;
 - + Hộ sử dụng nước sạch tăng 2%;
 - + Hộ xử lý rác tăng 10%.
- $> 95\%$ cơ sở cung cấp nước trên địa bàn huyện thực hiện xét nghiệm chất lượng nước sinh hoạt định kỳ.

12. Chương trình Y tế học đường:

- 100% trường tuyên truyền giáo dục các bệnh học đường.

- $\geq 98\%$ học sinh các cấp được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và thông báo kết quả về gia đình.

- 100% trường học trên địa bàn huyện được đo đặc môi trường học tập (trừ mẫu giáo).

13. Chương trình Nha học đường:

- 98% các trường mẫu giáo được giáo dục vệ sinh răng miệng và phương pháp chải răng.

- 98% các trường tiểu học được giáo dục vệ sinh răng miệng và phương pháp chải răng súc miệng, ngậm thuốc fluor 0,2%.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy, thực hành các nội dung Nha học đường : chải răng, súc miệng, ngậm thuốc fluor 100% trường.

14. Chương trình ATVSLĐ:

Quản lý tốt sức khỏe công nhân lao động phòng ngừa và phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp.

15. Chương trình Đái tháo đường:

- Giảm tỉ lệ mắc, biến chứng và tử vong của bệnh ĐTĐ.

- Khám sàng lọc: 2 xã.

16. Chương trình Tăng huyết áp:

Giảm tỉ lệ mắc, biến chứng và tử vong do bệnh THA.

17. Chương trình VSATTP:

- 90 % các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được cấp giấy.

- Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm là 90 % (tỷ lệ kiểm tra đạt/số cơ sở được kiểm tra).

- 85 % các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện (thuộc tuyến huyện quản lý) được kiểm tra ít nhất 01 lần/năm.

- 95 % các cơ sở thuộc tuyến huyện quản lý có cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được kiểm tra ít nhất 01 lần/năm.

18. Chương trình Giáo dục sức khỏe:

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	CHỈ TIÊU GIAO (%)	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (%)
1	Phối hợp ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Ngành Y tế trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; Quy tắc ứng xử; thành tựu và tiến bộ y học; Cải cách thủ tục hành chính; Gương người tốt việc tốt; Các ngày truyền thông theo tháng và tình hình dịch bệnh khẩn cấp.	100	100
2	Thành viên Ban chỉ đạo và lãnh đạo Trung tâm Y tế dự hợp giao ban BCD đầy đủ và đúng thành phần.	100	100
3	Cán bộ chuyên trách dự hợp giao ban đầy đủ đến khi kết thúc và đúng thành phần.	100	100
4	Phòng tư vấn có đủ trang thiết bị tư vấn theo bảng kiểm	100	100
5	Các đơn vị trang bị Góc GDSK đúng quy định	100	
6	Các chương trình y tế thực hiện hoạt động truyền thông tại đơn vị và cộng đồng theo các chỉ tiêu từng chương trình đạt trên 90%	100	100
7	Đơn vị cộng tác tin bài trên trang Web ngành đạt 4 tin, bài/ tháng	80	96
8	Đơn vị củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế ấp, cộng tác viên	100	100
9	Các đơn vị tổ chức giám sát GDSK tại khoa điều trị quý 1/lần (có sử dụng thang điểm, bảng kiểm).	100	100
10	Các đơn vị tổ chức giám sát các hoạt động về TT-GDSK tại xã và mạng lưới Y tế ấp 1 quý/lần cho các xã kèm thang điểm, bảng kiểm	100	100
11	Đơn vị trong năm có ít nhất 1 tin bài về gương người tốt việc tốt/thành tựu, kỹ thuật mới của đơn vị	100	100
12	Đơn vị thực hiện chế độ báo cáo, kế hoạch định kỳ và đột xuất đúng quy định	100	100
13	Đơn vị tổ chức truyền thông theo dịch bệnh có bài viết được lãnh đạo phê duyệt	100	100
14	Loại tài liệu, dụng cụ truyền thông được sản xuất theo đúng quy trình, phù hợp về nội dung và được cấp phát kịp thời, đến đúng đối tượng cần truyền thông	100	100
15	12 công văn hướng dẫn Định hướng truyền thông theo tháng được gửi đến các đơn vị	12/12 (công văn/tháng)	12/12 (công văn/tháng)
16	Mỗi đơn vị thực hiện ít nhất 01 đề tài NCKH về	≥ 01	1

CHỈ TIÊU	NỘI DUNG	CHỈ TIÊU GIAO (%)	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN (%)
	TT-GDSK	(đề tài)	(đề tài)
17	Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể, trường học tổ chức các hoạt động của các chương trình dựa trên chỉ tiêu giao cho từng chương trình, dự án	100	100
18	Trạm Y tế sử dụng trang thiết bị hiện có tổ chức phát thanh tại Trạm trong các đợt chiến dịch, ngày truyền thông	100	100

- Mở lớp tập huấn bổ sung về kỹ năng TT GDSK cho cán bộ y tế xã. ấp. NVSKCD.

- Tuyên truyền trong hệ thống trường học.
- Tuyên truyền thông tin đại chúng: báo. đài...
- Tổ chức các chiến dịch cổ động: tiêm chủng. diệt lăng quăng...
- Tuyên truyền trực tiếp tại chỗ: vãng gia. họp nhóm...
- Tổ chức khảo sát kiến thức người dân để đánh giá hiệu quả công tác truyền thông.

19. Chương trình mục tiêu phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em:

Số TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2025
1	Trẻ em < 2 tuổi cân hàng tháng	>99%
2	Trẻ < 2 tuổi SDD	≤ 5%
3	Trẻ < 5T cân 6 tháng / lần	>99 %
4	Thai phụ uống sắt 9 tháng thai kỳ	99%
5	Bà mẹ sau sanh uống A	>99%
6	Cân nặng sơ sinh < 2500gr	≤ 2,4 %
7	Bú mẹ chủ yếu 6 tháng đầu	60 %
8	Bú mẹ hoàn toàn 6 tháng đầu	35 %
9	Hướng dẫn TH.DDHL	
	- Bà mẹ có con < 2 tuổi	30%
	- Bà mẹ có con SDD từ 0-5 tuổi	100%
	TTGD kết hợp với hướng dẫn thực hành dinh dưỡng hợp lý cho thai phụ	30%

Số	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch
10	Văng gia gia đình có trẻ < 5 tuổi SDD và thai phụ	>98%
11	Thai phụ tăng cân < 2500gr 6 tháng liên tục	≤0,08%
12	Bà mẹ có kiến thức thực hành DD trẻ ốm	98%
13	Trẻ em dưới 2 tuổi không tăng cân 3 tháng liền	≤1,2%
14	Nữ thanh niên 18-25 tuổi được huấn luyện về dinh dưỡng và kiến thức về làm mẹ(3,5% dân số)	75%

20. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

STT	Nội dung chỉ số	Kế hoạch
01	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai	> 99 %
02	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 3 lần trở lên. <i>Trong đó tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ.</i>	≥ 99,5% >90%
03	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm phòng uốn ván đủ liều	≥ 99,5 %
04	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được NVYT hỗ trợ	≥ 99,6%
05	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được NVYT có kỹ năng hỗ trợ	>98%
06	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau đẻ <i>Tỷ lệ bà mẹ / trẻ sơ sinh được khám tuần đầu sau đẻ</i>	90% 92%
07	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm HIV	90%
08	Tỷ số tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản	≤20/100.000TĐS
09	Tỷ số phá thai / 100 trẻ đẻ sống	≤ 12%
10	Số cas tai biến do phá thai	Giảm so CK
11	Tỷ suất tử vong sơ sinh/1.000 TĐS	Giảm 0,2‰
12	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 TĐS	Giảm 0,2‰
13	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 TĐS	Giảm 0,2‰
14	Tỷ lệ trẻ sơ sinh tiêm phòng viêm gan B trong 24 giờ đầu sau đẻ> 80%	>80%
15	Số trường hợp nhiễm khuẩn sinh sản	<38%
16	Số trường hợp nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục	<12%

STT	Nội dung chỉ số	Kế hoạch
17	Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30-54 được sàng lọc ung thư cổ tử cung	50%.
18	Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 40-60 được sàng lọc ung thư vú	50%.
19	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và tư vấn CSSKSS vị thành niên / thanh niên	100% các điểm cung cấp dịch vụ
20	Tỷ lệ tuổi VTN mang thai ngoài ý muốn (VTN phá thai)	1%

21. Ký sinh trùng

- 95% các trường học trong huyện (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) được tẩy giun định kỳ có sự giám sát của cán bộ y tế;
- Trên 80% người dân trong huyện được tiếp cận với thông tin truyền thông phòng chống bệnh;
- 100% cán bộ chuyên trách phòng chống các bệnh Ký sinh trùng được tập huấn về giám sát, thống kê báo cáo, điều trị;
- 100% xã/thị trấn thực hiện tuyên truyền phòng, chống các bệnh Ký sinh trùng.

22. Công tác Dân số - SKSS:

a). Quy mô dân số

- Kiên trì thực hiện mục tiêu mỗi gia đình có hai con để nuôi dạy tốt; mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con để duy trì mức sinh thay thế, cụ thể là:
 - + Tăng tỷ suất sinh thô 0,3‰.
 - + Phân đầu mỗi cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con: $\geq 62\%$.
- Hoàn thành chỉ tiêu vận động người sử dụng các biện pháp tránh thai mới trong năm, cụ thể:
 - + DCTC: 2.440;
 - + Thuốc viên: 3.900;
 - + Bao cao su: 3.340;
 - + Thuốc tiêm: 600;
 - + Thuốc cấy: 16.

b) Cơ cấu và chất lượng dân số

- Tỷ số giới tính khi sinh: 103-105 nam/100 nữ.
- Tỷ lệ sinh của bà mẹ dưới 19 tuổi $< 2,2\%$.

- 95% trẻ sinh ra có bà mẹ thực hiện kỹ thuật chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh.
- 95% trẻ sinh ra được thực hiện kỹ thuật sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh.
- 95% cặp kết hôn được tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân.
- Tỷ lệ người trên 60 tuổi được khám sức khỏe định kỳ trên 80% trở lên.

Phụ lục 2: Các chỉ tiêu hoạt động năm 2025 của hệ điều trị

1. Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh tại bệnh viện:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	235.387
Số BN nội trú	5.400
Số ngày điều trị nội trú	34.400
Công suất sử dụng giường bệnh	≥ 60
Tổng số X-quang	13.000
Tổng số CT-Scanner	480
Tổng số siêu âm	12.000
Tổng số điện tim	11.000
Tổng số nội soi	330
Tổng số XN	146.940

a. Khoa Khám bệnh:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	133.000

Tổ chức sắp xếp lại qui trình nhận bệnh, khám bệnh của khoa khoa học hơn; tăng số phòng khám nhằm tránh sự chờ đợi cho bệnh nhân nhất là vào các ngày đầu và cuối tuần.

b. Khoa Cấp cứu – Hồi sức:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	22.000
Số BN nội trú	1.000
Số ngày điều trị nội trú	2.500
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	100

Đưa vào sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị như máy thở, CPAP. Monitoring, bơm tiêm tự động, máy phá rung tim...nhằm nâng cao khả năng xử trí cấp cứu của khoa. Triển khai thêm một số kỹ thuật cấp cứu – hồi sức để công tác chuẩn hóa cấp cứu ngày càng hoàn thiện.

c. Khoa Nội – Nhiễm – YHCT:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	4.500
Số BN nội trú	3.900
Số ngày điều trị nội trú	30.000
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 80

Tổ chức đi buồng hàng tuần vào ngày thứ năm nhằm giúp khoa hoàn thiện hơn công tác bệnh án và nâng cao chất lượng điều trị. Tăng năng lực chuyên môn để chẩn đoán và điều trị hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian nằm viện của bệnh nhân.

d. Khoa Nhi:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số BN nội trú	400
Số ngày điều trị nội trú	1.500
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 20

Triển khai thêm một số kỹ thuật trong điều trị sơ sinh như hồi sức sơ sinh, củng cố công tác điều trị vàng da do tăng bilirubine gián tiếp bằng ánh sáng liệu pháp. Tăng năng lực chuyên môn để chẩn đoán và điều trị hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian nằm viện của bệnh nhân.

e. Khoa CSSKSS:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	5.500
Số BN nội trú	100
Số ngày điều trị nội trú	400
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	≥ 30

Triển khai thêm một số kỹ thuật như khám thai và khám theo dõi chuyển dạ sanh bằng doppler tim thai, siêu âm sản phụ khoa qua ngã âm đạo, hồi sức sơ sinh hiệu quả, tầm soát tiểu đường thai kỳ trong khám thai...

f. Khoa Liên chuyên khoa Mắt – TMH – RHM:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	68.000

Trang bị cho khoa một máy điều trị nha khoa để tăng năng lực điều trị chuyên khoa. Triển khai thêm một số kỹ thuật chuyên khoa Mắt – TMH: hoàn

thiện kỹ thuật nội soi chẩn đoán trong TMH tới tới triển khai nội soi can thiệp. Đánh giá thị lực bằng khúc xạ kế tự động...

g. Các chuyên khoa khác (Lao, Tâm thần, Bướu cổ):

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	2.300

h. Khoa Xét nghiệm & CDHA:

Nội dung	Chỉ tiêu
Tổng số X-quang	13.000
Tổng số CT-Scanner	80
Tổng số siêu âm	12.000
Tổng số điện tim	11.000
Nội soi	330
Tổng số XN	146.940

Triển khai thêm một số xét nghiệm khác phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị như xét nghiệm điện giải đồ, sinh hóa máu bằng máy sinh hóa tự động, phân tích khí máu động mạch...

- Thực hiện ngày càng tốt hơn công tác chụp X - quang tại giường phục vụ cho công tác hồi sức cấp cứu.

- Triển khai chụp CT-Scanner trong quý 2/2025.

- Triển khai siêu âm tim và mạch máu trong quý 2/2025.

i. Khoa Dược – Chống nhiễm khuẩn:

- Khoa Dược đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư tiêu hao cho các khoa phòng trong đơn vị, hạn chế để người bệnh phải tự mua thêm thuốc, vật tư y tế trong khi đang nằm viện điều trị. Tăng cường và củng cố công tác Dược lâm sàng trong bệnh viện.

- Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình nhiễm khuẩn tại bệnh viện.

- Kết hợp với các khoa lâm sàng thực hiện tốt các công tác cung ứng và cấp phát thuốc đến tận giường bệnh nhân.

- Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện qui chế chống nhiễm khuẩn trong bệnh viện.

- Thực hiện ngày càng tốt hơn công tác xử lý chất thải y tế.

- Củng cố công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện ngày một tốt hơn.

j. Công tác y học cổ truyền:

- Nâng cao hoạt động của Tổ y học cổ truyền tại Trung tâm Y tế nhằm phối hợp với khoa Nội – Nhiễm trong điều trị các bệnh mạn tính. Tiến tới nâng cao công tác phối hợp điều trị YHCT và YHHĐ.

- Trồng vườn mẫu thuốc nam đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế tại Trung tâm Y tế và các Trạm y xã.

- Trang bị thêm một số trang thiết bị phục vụ cho điều trị bệnh bằng y học cổ truyền tại Trung tâm Y tế và Cơ sở 2. Đưa vào sử dụng có hiệu quả các thiết bị điều trị YHCT của Dự án xây dựng bệnh viện trang cấp.

- Giữ vững những kết quả đã đạt được năm 2023.

2. Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Cần Đước cơ sở 2:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	22.600
Số BN nội trú	1.260
Số ngày điều trị nội trú	4.950
Công suất sử dụng giường bệnh (%)	> 45%
Tổng số X-quang	300
Tổng số siêu âm	140
Tổng số điện tim	1.450
Tổng số XN	5.350

3. Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh tại trạm tế xã:

Nội dung	Chỉ tiêu
Số lượt khám bệnh	82.740

Phụ lục 3: Dự toán thu chi tài chính năm 2025 của TTYT

1. Bệnh viện: (đơn vị tính 1.000 đ)

STT	Khoản	Mục	Nội dung	Dự toán 2025
				Viện phí
			Biên chế được giao	186
			Biên chế hiện có	132
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	44.100.000
1			Thu viện Phí	44.100.000
			<i>Thu khám chữa bệnh</i>	44.100.000
			<i>Thu từ nguồn NS</i>	-
2			Chi từ nguồn thu phí được để lại	44.100.000
			<i>Chi viện phí</i>	44.100.000
			Chi thường xuyên	44.100.000
I			Chi thanh toán cá nhân	21.566.381
	6000		Tiền lương	11.366.103
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt(HS 384.3300)	10.791.986
		6049	Năng lương hàng năm	574.117
		6049	Trợ cấp y tế áp Tổ y tế Long Hòa 6 người *0,3*1490*12)	-
	6050		Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng(NĐ 161)	501.960
		6051	Lương (7 người)	397.584
		6300	Các khoản đóng góp NĐ 161	104.376
	6100		Phụ cấp lương	6.877.916

		6101	Phụ cấp chức vụ (HS 7.6)	213.408
		6105	Phụ cấp làm thêm	
		6106	Phụ cấp thêm giờ	100.000
		6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm (HS 10.2)	286.416
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề (HS 176.6516)	4.960.377
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc (HS 6.5)	182.520
		6114	Phụ cấp trực 23 người(6 trực cấp cứu,17 trực thường)	1.041.060
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung (HS 3.3524)	94.135
	6200		Tiền thưởng	89.240
		6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	72.360
		6249	Thưởng khác	16.880
	6250		Phúc lợi tập thể	-
		6257	Tiền nước uống	-
	6300		Các khoản đóng góp	2.608.390
		6301	Bảo hiểm xã hội	1.942.418
		6302	Bảo hiểm y tế	332.986
		6303	Kinh phí công đoàn	221.991
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	110.995
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	122.772
		6401	Tiền ăn	
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (Phẫu thuật,thủ thuật); lao lý bằng hiện vật	122.772
II			Chi nghiệp vụ chuyên môn	21.780.519

	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	1.320.715
		6501	Thanh toán tiền điện	535.608
		6502	Thanh toán tiền nước	451.917
		6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	302.024
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	31.166
	6550		Vật tư văn phòng	317.696
		6551	Văn phòng phẩm	154.040
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	60.000
		6599	Vật tư văn phòng khác	103.656
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	122.671
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	12.118
		6603	Cước phí bưu chính	7.640
		6605	Phim ảnh	
		6608	Sách báo	2.833
		6616	Thuê bao cáp truyền hình	6.180
		6617	Cước phí internet	48.000
		6618	Khoản điện thoại	45.900
	6650		Hội nghị	6.571
		6651	In,mua tài liệu	6.571
		6658	Chi bù tiền ăn	-
	6700		Công tác phí	221.950
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	30.000

		6702	Phụ cấp công tác phí	25.000
		6703	Tiền thuê phòng ngủ	-
		6704	Khoán công tác phí	166.950
	6750		Chi phí thuê mướn	1.160.352
		6751	Thuê phương tiện vận chuyển	
		6757	Thuê lao động trong nước	
		6799	Chi phí thuê mướn khác	1.160.352
	6900		Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	420.754
		6901	Xe chuyên dùng	67.040
		6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	67.178
		6906	Điều hòa nhiệt độ	-
		6907	Nhà cửa	50.440
		6911	Sách,tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn.	-
		6912	Thiết bị tin học	35.880
		6913	Máy photocopy	54.814
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	2.732
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng khác	21.670
		6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	121.000
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	18.209.810
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành	17.857.210

		7002	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không là tài sản)	
		7004	Đồng phục, trang phục	338.200
		7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.	14.400
		7049	Chi phí khác	
		7053		
III			Chi mua sắm, sửa chữa	500.000
	9050		Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	500.000
			Xe chuyên dùng	40.000
		9055	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng	140.000
		9056	Điều hòa nhiệt độ	130.000
		9062	Thiết bị tin học	150.000
		9099	Tài sản khác (máy phô tô+ điện + nước)	40.000
IV			Các khoản chi khác	253.100
	7750		Chi khác	253.100
		7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	-
		7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện của các đơn vị dự toán	-
		7761	Chi tiếp khách	51.500
		7799	Chi các khoản khác	201.600

2. Hệ dự phòng:(đơn vị tính 1.000 đ)

STT	Khoản	Mục	Nội dung	DỰ TOÁN 2025	
				Ngân sách	Phí, lệ phí

A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1			Số thu phí, lệ phí	11.881.408	300.000
1,1			<i>Thu từ nguồn NS</i>	11.881.408	
1,2			<i>Dịch vụ y tế dự phòng</i>	-	148.864
			- Công tiêm		58.056
			- Vaccin		241.944
1,3			<i>Chi từ nguồn thu dịch vụ y tế dự phòng</i>	-	256.858
			- Thuốc vật tư y tế		256.858
1.4			<i>Chênh lệch Vắc xin (Thu DV Vắc xin-Thuốc)</i>		90.808
1,5			<i>Số phí nộp NSNN dịch vụ y tế dự phòng</i>	-	3.147
			- Công tiêm		1.331
			- Vaccin		1.816
			Chi thường xuyên	11.881.408	298.802
I			Chi thanh toán cá nhân	10.782.408	-
	6000		Tiền lương	6.933.915	-
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt(HS 172.3400)	4.839.307	
		6002	Lương tập sự, công chức dự bị(HS)		
		6049	Nâng lương hàng năm	258.608	
		6049	Cộng tác viên Dân số(340 người*450*12)	1.836.000	
		6049	Trợ cấp y tế áp Tổ y tế Thị trấn(17 người *2340*0,3*12)+BHYT áp(17 người*168)		
	6100		Phụ cấp lương		

				2.618.853	-
1		6101	Phụ cấp chức vụ(HS 6.1)	171.288	
		6105	Phụ cấp thêm giờ		
2		6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm (HS 5.2)	146.016	
		6112	Phụ cấp ưu đãi (HS 74.1373)	2.081.775	
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc (HS 0.7)	19.656	
		6114	Phụ cấp trực chống dịch 02 người		
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung (HS 5.3267)	149.574	
		6123	Phụ cấp đảng Ủy (6 người*0,3*2340*12)	50.544	
	6200		Tiền thưởng	17.000	-
		6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	17.000	
	6250		Phúc lợi tập thể	-	-
		6249			
	6300		Các khoản đóng góp	1.212.640	-
		6301	Bảo hiểm xã hội	903.030	
		6302	Bảo hiểm y tế	154.805	
		6303	Kinh phí công đoàn	103.203	
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	51.602	
II			Chi nghiệp vụ chuyên môn	990.000	298.802
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	288.880	35.000
		6501	Thanh toán tiền điện	105.928	15.000
		6502	Thanh toán tiền nước	60.000	10.000
		6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	50.952	5.000

		6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	72.000	5.000
	6550		Vật tư văn phòng	140.700	35.000
		6551	Văn phòng phẩm	52.500	20.000
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	50.400	15.000
		6599	Vật tư văn phòng khác	37.800	
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	136.500	8.638
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	37.800	5.000
		6603	Cước phí bưu chính	31.500	3.638
		6605	Cước phí internet	21.000	
		6618	Khoán điện thoại	46.200	
	6650		Hội nghị	-	-
	6700		Công tác phí	147.420	-
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	21.000	
		6702	Phụ cấp công tác phí	21.420	
		6703	Tiền thuê phòng ngủ		
		6704	Khoán công tác phí	105.000	
	6750		Chi phí thuê mướn	210.000	-
		6799	Chi phí thuê mướn khác	210.000	
	6900		Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	-	-
		6907	Nhà cửa		

	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	66.500	220.164
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành		220.164
		7004	Đồng phục, trang phục	66.500	
		7049	Chi phí khác		
III			Chi mua sắm, sửa chữa	100.000	-
	9050		Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	100.000	-
		9056	Điều hòa nhiệt độ	50.000	
		9062	Thiết bị tin học	50.000	
IV			Các khoản chi khác	9.000	-
	7750		Chi khác	9.000	-
		7761	Chi tiếp khách	9.000	
		7799	Chi các khoản khác		

3. TYT xã: (đơn vị tính 1.000 đ)

STT	Khoản	Mục	Nội dung	DỰ TOÁN 2025	
				Ngân sách	Viện phí
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1			Số thu phí, lệ phí	17.877.898	3.700.000
			<i>Thu viện phí</i>		3.700.000
			<i>Thu từ nguồn NS</i>	17.877.898	
2			Chi từ nguồn thu phí được để lại	17.877.898	3.700.000
			<i>Chi NS</i>	17.877.898	
			<i>Chi viện phí</i>		

					3.700.000
B			Chi thường xuyên	17.877.898	3.700.000
I			Chi thanh toán cá nhân	15.484.898	-
	6000		Tiền lương	8.184.359	-
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt(HS 276,4600)	7.762.997	-
		6003	Lương tập sự, công chức dự bị(HS)	-	-
		6049	Tăng lương hàng năm	421.362	-
		6049	Lương khác(ăn trực 19 người)	-	-
	6100		Phụ cấp lương	4.661.413	-
		6101	Phụ cấp chức vụ (HS 5,6)	157.248	-
		6102	Phụ cấp khu vực (HS 3.4)	95.472	-
		6105	Phụ cấp thêm giờ	-	-
		6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm (HS 15,90)	446.472	-
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề (HS 128,8375)	3.617.757	-
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc(HS)	-	-
		6114	Phụ cấp trực 17 người	260.100	0
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung (HS 3,0044)	84.364	-
	6200		Tiền thưởng	49.642	-
		6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	49.642	-
	6250		Phúc lợi tập thể	-	-
		6299		-	-
		6257	Tiền nước uống	-	-
	6300		Các khoản đóng góp	1.881.083	-
		6301	Bảo hiểm xã hội	1.400.806	-
		6302	Bảo hiểm y tế	240.138	-
		6303	Kinh phí công đoàn	160.092	-
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	80.046	-

	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	708.402	-
		6449	Khác (BHYT nhân viên y tế ấp 117 người *168)	19.656	-
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác(BS 2 xã vs ,7xã đb)	58.800	-
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác(Y tế ấp 117*2340*0,3*12)	985.608	-
II			Chi nghiệp vụ chuyên môn	2.393.000	3.700.000
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	433.000	213.514
		6501	Thanh toán tiền điện	200.000	137.333
		6502	Thanh toán tiền nước	80.000	41.616
		6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	85.000	14.566
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	68.000	20.000
	6550		Vật tư văn phòng	342.316	170.807
		6551	Văn phòng phẩm	150.000	125.000
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	90.000	25.000
		6599	Vật tư văn phòng khác	102.316	20.807
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	99.144	63.727
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	62.424	18.727
		6603	Cước phí bưu chính	-	25.000
		6605	Phim ảnh,thuê bao điện thoại		
		6606			
		6611	Ấn phẩm truyền thông		
		6612	Sách báo tạp chí văn nghệ		
		6616	Thuê bao cáp truyền hình		
		6617	Cước phí internet	36.720	20.000
		6618	Khoán điện thoại		
	6650		Hội nghị	-	-

		6651			
		6658	Chi bù tiền ăn		
	6700		Công tác phí	200.000	87.394
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	100.000	18.727
		6702	Phụ cấp công tác phí	100.000	27.050
		6703	Tiền thuê phòng ngủ	-	-
		6704	Khoán công tác phí		41.616
	6750		Chi phí thuê mướn	367.200	221.045
		6751	Thuê phương tiện vận chuyển	20.000	10.404
		6757	Thuê lao động trong nước	-	-
		6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-
		6799	Chi phí thuê mướn khác	200.200	210.641
	6900		Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	-	355.837
		6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	-	-
		6906	Điều hòa nhiệt độ	-	51.000
		6907	Nhà cửa	-	26.010
		6911	Sách, tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn.	-	-
		6912	Thiết bị tin học	-	79.070
		6913	Máy photocopy	-	-
		6916	Máy bơm nước	-	62.424
		6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy vi tính	-	62.424
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	-	74.909
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng khác	-	-

	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	350.500	2.192.323
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành	-	2.045.443
		7002	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không là tài sản)	-	-
		7003	Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn của ngành	120.000	146.880
		7004	Đồng phục, trang phục	180.500	-
		7049	Chi phí khác	50.000	-
III			Chi mua sắm, sửa chữa	184.680	208.080
	9050		Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	184.680	208.080
		9056	Điều hòa nhiệt độ	150.000	112.710
		9062	Thiết bị tin học	34.680	95.370
		9099	Tài sản khác	-	-
IV			Các khoản chi khác	416.160	187.272
	7750		Chi khác	416.160	187.272
		7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	-	-
		7761	Chi tiếp khách	150.000	187.272
		7799	Chi các khoản khác	-	-
		8006		-	-